|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: 506/QĐ-BGTVT | *Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC CẢNG CẠN VIỆT NAM

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;*

*Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Xét tờ trình số 1423/TTr-CHHVN ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc công bố Danh mục cảng cạn Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục cảng cạn Việt Nam tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 584/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố Danh mục cảng cạn Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Bộ trưởng (để b/c); - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Các Thứ trưởng; - Các Cục: ĐBVN, ĐTNĐVN, ĐSVN, HKVN; - Cổng TTĐT Bộ GTVT; - Báo Giao thông; - Lưu: VT, KCHT. | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Nguyễn Xuân Sang** |

**PHỤ LỤC**

DANH MỤC CẢNG CẠN VIỆT NAM  
*(Ban hành kèm theo Quyết định 506/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cảng cạn** | **Thuộc địa phận tỉnh, TP trực thuộc TW** | **Quyết định công bố mở cảng cạn của Bộ Giao thông vận tải** |
| 1 | Cảng cạn (ICD) Hải Linh | Phú Thọ | Số 1617/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2015 |
| 2 | Cảng cạn Km3+4 Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh | Quảng Ninh | Số 3882/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 |
| 3 | Cảng cạn Tân Cảng Hải Phòng | Hải Phòng | Số 1456/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2016 |
| 4 | Cảng cạn Đình Vũ - Quảng Bình | Số 2200/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2018 |
| 5 | Cảng cạn Hoàng Thành | Số 60/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2020 |
| 6 | Cảng cạn Tân cảng Quế Võ | Bắc Ninh | Số 1543/QĐ-BGTVT ngày 19/8/2021 |
| 7 | Cảng cạn Long Biên | Hà Nội | Số 711/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2020 |
| 8 | Cảng cạn Tân cảng Hà Nam | Hà Nam | Số 1007/QĐ-BGTVT ngày 24/5/2019 |
| 9 | Cảng cạn (ICD) Phúc Lộc - Ninh Bình | Ninh Bình | Số 584/QĐ-BGTVT ngày 11/2/2015 |
| 10 | Cảng cạn Tân Cảng Nhơn Trạch | Đồng Nai | Số 432/QĐ-BGTVT ngày 04/02/2016 |
| 11 | Cảng cạn Tân cảng Long Bình giai đoạn 1 | Đồng Nai | Số 07/QĐ-BGTVT ngày 06/01/2023 |